

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 01/2020/HS-ST

Ngày 16/01/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thu Hiền.

2. Ông Tòng Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa: Ông Vàng A Vừ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn H** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1991; nơi sinh: Xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn Ph; sinh năm 1970 và bà: Lường Thị H; sinh năm: 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án: Bị cáo có một tiền án theo bản án số 06/2017/HSST ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên kết án bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đến ngày 21/01/2019 chấp hành xong, đến nay chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 21/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Quàng Thị U - Sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người phiên dịch: Bà Lò Thị N - sinh năm 1984. Trú tại: Tổ dân cư số 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 03 năm 2019 Lường Văn H đến bản P, xã M, huyện Đ sống như vợ chồng với chị Quàng Thị U'. Đến tháng 07/2019, Lường Văn H mượn xe máy nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 27B1-802.40 của Quàng Thị U' kèm theo các giấy tờ xe đi về bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên chơi. Sau khoảng 2-3 ngày mang xe về để trả cho chị U' nhưng khi về đến thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Lường Văn H hết tiền nên mang xe máy của U' đến hiệu cầm đồ đội 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cầm lấy 10.000.000đ chỉ tiêu cá nhân, sau khi tiêu hết tiền Lường Văn H quay lại hiệu cầm đồ lấy xe bán cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ với giá 12.000.000đ. Số tiền bán xe Lường Văn H đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi không thấy Lường Văn H mang xe máy về trả, Quàng Thị U' nhiều lần gọi điện thoại cho Lường Văn H đòi tài sản nhưng H không nghe điện thoại. Ngày 19/10/2019 Quàng Thị U' viết đơn đề nghị cơ quan Công an huyện Đ xử lý vụ việc trên theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/QĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe máy màu đen bạc nhãn hiệu HONDA Wave biển kiểm soát 27B1-802.40; số khung RLHJA390XHY813573; số máy JA39E0795541 mua vào năm 2018 đã qua sử dụng vào thời điểm ngày 12/7/2019 trị giá 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc xe máy do bị cáo bán cho người đàn ông không biết tên, địa chỉ; bị cáo Lường Văn H đã bồi thường cho Quàng Thị U' 5.000.000đ, chị U' tiếp tục đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự và yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp 8.500.000đ.

Bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS-ĐBĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lường Văn H về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo Điểm a Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lường Văn H cả về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lường Văn H từ 24 đến 30 tháng tù. Buộc bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho chị Quàng Thị U' 8.500.000đ; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; miễn án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại chị Quàng Thị U' có lời khai thể hiện tháng 7/2019 (ngày cụ thể không nhớ rõ) bị cáo Lường Văn H hỏi mượn xe máy HONDA Wave biển kiểm soát 27B1-

802.40 về thăm nhà nhưng sau đó tắt điện thoại không liên lạc được và không mang xe trả lại cho chị. Chị U' đã đi tìm và gặp bị cáo đòi nhưng bị cáo bảo đã bán không có tiền trả, đến tháng 8/2019 bị cáo mới trả cho chị 5.000.000đ, chị đề nghị bị cáo phải bồi thường tiếp 8.500.000đ và đề nghị xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự. Chị nhất trí với mức đề xuất hình phạt của Viện Kiểm sát đối với bị cáo Lường Văn H.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tại phần tranh luận bị cáo có ý kiến về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất xét xử bị cáo là quá cao nhưng bị cáo cũng không đưa ra lập luận gì về vấn đề này. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo Lường Văn H: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lường Văn H thừa nhận vào tháng 07/2019 mượn xe máy nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 27B1-802.40 của chị Quàng Thị U' sau đó bán lấy tiền chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo cũng khai nhận ý định bán xe của chị U' có sau khi mượn được xe và sợ chị U' đòi xe, bị cáo tắt điện thoại không liên lạc với chị U'.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Quàng Thị U'; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt định giá xác định là 13.500.000đ và phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Lường Văn H lợi dụng mối quan hệ quen biết và sự tin tưởng của chị Quàng Thị U' cho bị cáo mượn xe máy, sau khi có được tài sản bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt và thực tế bị cáo đã mang bán, lấy tiền chi tiêu cá nhân hết, rồi trốn tránh nhằm chiếm đoạt tài sản của chị U'. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo Điều a Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông đã truy tố.

Tại Điều a Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định: *1. "Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả";

[2] Xét tính chất; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý

thực hiện. Tuy hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng là hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải bị xử lý nghiêm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại (đã bồi thường 5.000.000đ cho bị hại) do vậy cần cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích bản án số 06/2017/HSST ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có trình độ văn hóa nhất định, được gia đình cho ăn học hết lớp 12/12 nhưng có cách sống và suy nghĩ chỉ mong có lợi cho bản thân, bị cáo đã từng bị xét xử 02 lần về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác và hôm nay lại tiếp tục bị xét xử về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Điều đó cho thấy bị cáo có nhân thân không tốt. Vì vậy, hôm nay bị cáo phải chịu một hình phạt thật nghiêm khắc để tiếp tục giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Từ phân tích trên xét thấy đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt từ 24 tháng đến 30 tháng tù là phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy nghề nghiệp bị cáo làm ruộng chưa xây dựng gia đình, sống chung cùng bố mẹ khó có điều kiện để thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị hại là chị Quảng Thị Ư bị thiệt hại về tài sản có giá trị là 13.500.000đ. Chị Ư mới được bị cáo bồi thường 5.000.000đ và tiếp tục đề nghị bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền là 8.500.00đ là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận theo Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357; Khoản 1 Điều 584; 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Các vấn đề khác:

+ Đối với Hoàng Thị T là nhân viên hiệu cầm đồ, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với người đàn ông đã mua chiếc xe máy mà bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của chị Quàng Thị U quá trình điều tra chưa làm rõ được nên chưa đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với yêu cầu của chị Quàng Thị U đề nghị bị cáo phải trả số tiền 10.000.000đ vay vào tháng 4/2019 và phải có trách nhiệm khi chị sinh con (chị U đang mang thai con của chị và bị cáo) không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã giải thích cho chị U có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn H (tên gọi khác: Không) phạm tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*;

Xử phạt bị cáo Lương Văn Hạnh **30** (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (21/10/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357; Khoản 1 Điều 584; 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lương Văn H phải bồi thường cho chị Quàng Thị U, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Đ số tiền 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và chị U có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Lương Văn H và chị Quàng Thị U' có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo; người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2020).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ C.A huyện ĐBĐ;
- Phòng NVHS CA huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga